

Thứ hai, ngày 16 tháng 8 năm 2021

Vietnam Daily Review

Duy trì vận động tăng tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/8/2021		•	
Tuần 16/8-20/8/2021		•	
Tháng 8/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index giữ vững vận động tăng tích cực trong hầu hết phiên giao dịch. Dòng tiền đầu tư tiếp tục quay trở lại thị trường khi có 14/19 ngành tăng điểm, với độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực, củng thành khoản tăng mạnh so với phiên trước. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. VN-Index hồi phục trở lại sau khi chạm vùng hỗ trợ quanh 1340 điểm là dấu hiệu cho xu hướng vận động tăng ngắn hạn, khả năng củng cố 1370 điểm, và hướng tới ngưỡng tâm lý 1400 điểm

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/8/2021, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: FRT_Tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+13.91 điểm**, đóng cửa **1,370.96**. HNX-Index **+6.57**, đóng cửa **343.53**.
- Kéo chỉ số tăng: **DGW (+2.18); VPB (+1.99); HCM(+1.21); HTN (+0.84); IJC (+0.79)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VDP (-1.31); DAH (-0.86); VCG (-0.22); PDN (-0.21); VCF (-0.12)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **26,150 tỷ đồng**, **+13.8%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 27,505tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 10.58 điểm. Thị trường có **266** mã tăng, 32 mã tham chiếu và **117** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-955.52 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **VHM (-136.8 tỷ), VIC (-102.9 tỷ) và HPG (-81.3 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-39.56 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1370.96**
Giá trị: 26150.45 tỷ **13.91 (1.03%)**
Khối ngoại (ròng): -955.52 tỷ

HNX-INDEX **343.53**
Giá trị: 4409.88 tỷ **6.57 (1.95%)**
Khối ngoại (ròng): -39.56 tỷ

UPCOM-INDEX **94.04**
Giá trị: 1864.16 tỷ **1.87 (2.03%)**
Khối ngoại(ròng): 33.46 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	67.9	-0.76%
Giá vàng	1,776	-0.23%
Tỷ giá USD/VND	22,858	0.16%
Tỷ giá EUR/VND	26,927	-0.03%
Tỷ giá JPY/VND	20,902	0.62%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	1.94%
LS TPCP 5 năm	1.0%	
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTR	25.6	VHM	-136.8
HSG	15.9	VIC	-102.9
BWE	15.8	HPG	-81.3
PTB	15.4	SSI	-66.8
MSH	14.6	KBC	-54.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
FRT_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, đường MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng mua quá, xu hướng tăng.

Nhận định: FRT đang nằm trong xu hướng tăng trung hạn từ vùng hỗ trợ 24.5. Thanh khoản cổ phiếu duy trì tích cực, quanh ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá cổ phiếu. Đường giá cổ phiếu giữ vững trên MA20 và MA50, bao hiệu xu hướng tăng giá kéo dài. Chỉ báo MACD đang ủng hộ xu hướng tăng giá tích cực này, dù chỉ báo RSI đã tiến vào vùng mua quá. Nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh vùng giá 42, chốt lời tại ngưỡng 54, và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 38.5.



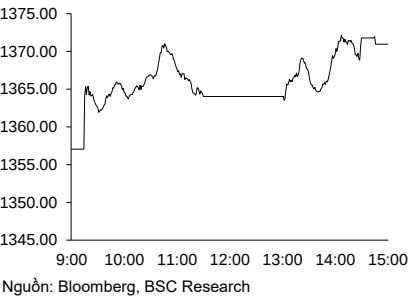
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	7.96%
Hóa chất	6.79%
Viễn thông	5.26%
Ngân hàng	2.13%
Tài nguyên Cơ bản	1.92%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.65%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.24%
Công nghệ Thông tin	1.04%
Xây dựng và Vật liệu	1.04%
Bất động sản	0.41%
Bán lẻ	0.31%
Y tế	0.21%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.17%
Thực phẩm và đồ uống	0.07%
Truyền thông	-0.42%
Du lịch và Giải trí	-0.65%
Ô tô và phụ tùng	-0.87%
Bảo hiểm	-1.17%
Dầu khí	-1.52%

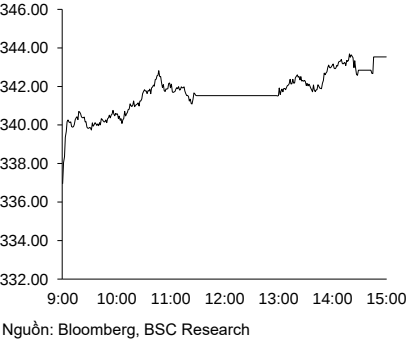
Hình 1

HSX-Index Intraday



Hình 2

HNX-Index Intraday



Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
13/8/21	DBC	58	65.5	56.5	58	3	0.00%	Có thể tiếp tục mua
12/8/2021	FCN	13.35	17	12.15	13.5	4	1.12%	Có thể tiếp tục mua
11/8/2021	VGI	32.7	38	30.5	32.3	5	-1.22%	Có thể tiếp tục mua
10/8/2021	PVD	19.6	23.5	17.5	19.5	6	-0.51%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2021	PVT	20.05	23.5	18.5	22	7	9.73%	Có thể tiếp tục mua
6/8/2021	KSB	26.1	31.5	24	30	10	14.94%	Có thể tiếp tục mua
5/8/2021	DRC	33.1	38	30	34.2	11	3.32%	Có thể tiếp tục mua
4/8/2021	PLX	52.3	58	50	52.9	12	1.15%	Có thể tiếp tục mua
3/8/2021	MBS	29.9	36	28.5	32.5	13	8.70%	Có thể tiếp tục mua
2/8/2021	TNG	22.1	27	20	25.5	14	15.38%	Có thể tiếp tục mua
29/7/21	CTG	33.9	40	32	34.3	18	1.18%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/7/21	OCB	23.6	26	22.4	24.6	19	4.24%	Có thể tiếp tục mua
26/7/21	GVR	32.5	37.5	30	34.8	21	7.08%	Có thể tiếp tục mua
14/7/21	ACV	75	84	72	78.8	33	5.07%	Có thể tiếp tục mua
13/7/21	KBC	32.5	40	30	35.8	34	10.15%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

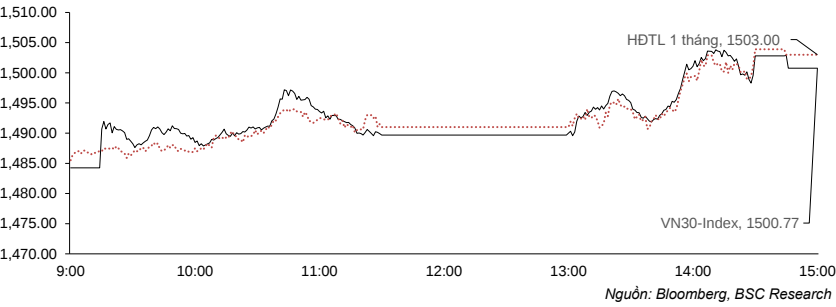
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
30/7/21	BCC	10.8	13	10	TP	11	20.37%
27/7/21	DCM	18.9	21	17.5	TP	6	11.11%
23/7/21	BFC	27.4	30.5	24.5	TP	11	11.31%
22/7/21	DPG	32.65	39.5	29.85	TP	22	20.98%
21/7/21	TDM	29.8	33	28.2	TP	23	10.74%
20/7/21	LIX	59.1	65	57	SL	3	-3.55%
19/7/21	CTR	75	85	69.3	TP	25	13.33%
16/7/21	PDR	90.2	106.5	85	TP	28	18.07%
15/7/21	ACB	32.75	38	30	TP	29	16.03%
12/7/2021	VPG	38	42	32.5	TP	9	10.53%
9/7/2021	ITD	18	20.25	15.25	TP	35	12.50%
8/7/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	TP	6	10.48%
7/7/2021	MWG	165.8	196	154.5	TP	37	18.21%
6/7/2021	LHG	45.4	55.5	41.35	TP	38	22.25%
5/7/2021	GEX	23.6	26	21.85	SL	7	-7.42%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	13	2	6.31%	-0.87%	5.35%	14
Cổ phiếu đã chốt	174	109	13.82%	-7.87%	5.46%	27

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2108	1503.00	1.21%	2.23	-36.9%	171,116	8/19/2021	5
VN30F2109	1498.00	1.15%	-2.77	14.1%	1,344	9/16/2021	33
VN30F2112	1499.00	1.28%	-1.77	84.0%	46	12/16/2021	124
VN30F2203	1495.00	1.05%	-5.77	52.5%	61	3/17/2022	215

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +16.52 điểm lên 1500.77 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, MBB, HPG, SSI tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch vận động tăng lên quanh 1500 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.

- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2108, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2108 và VN30F2109 đang giảm, trong khi VN30F2112 và VN30F2203 đang tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB2103	1/7/2022	144	1.48:1	301,300	38.86%	3,000	3,510	9.69%	898	3.91	53,000	47,000	31,000
CHPG2109	1/10/2022	147	1:1	99,400	38.68%	4,000	8,600	6.17%	2,794	3.08	59,000	55,000	49,450
CTCB2104	8/27/2021	11	2:1	161,100	40.27%	2,000	4,320	6.14%	3,252	1.33	49,800	45,800	54,000
CTCB2101	10/5/2021	50	1:1	69,600	40.27%	5,000	23,830	3.65%	21,401	1.11	36,000	31,000	54,000
CVPB2104	8/27/2021	11	3:1	131,200	40.21%	2,500	5,740	3.42%	4,890	1.17	56,500	49,000	65,600
CMWG2106	1/7/2022	144	10:1	204,500	34.18%	3,000	3,200	3.23%	1,220	2.62	210,000	180,000	170,100
CSTB2105	1/10/2022	147	1:1	18,100	46.18%	4,000	7,400	3.21%	3,580	2.07	34,000	30,000	30,300
CHPG2106	8/27/2021	11	2:1	79,000	38.68%	4,100	8,520	1.91%	356	23.90	42,937	36,908	49,450
CVIC2103	9/27/2021	42	20:1	362,300	32.06%	1,100	630	1.61%	0	31,500.00	187,899	165,899	110,600
CVIC2104	1/7/2022	144	10:1	325,700	32.06%	2,000	2,250	1.35%	490	4.59	144,000	124,000	110,600
CSTB2104	8/27/2021	11	1:1	122,700	46.18%	4,000	7,600	1.33%	6,833	1.11	26,900	22,900	30,300
CMWG2104	3/22/2022	218	10:1	87,600	34.18%	2,400	6,350	0.16%	4,304	1.48	159,000	135,000	170,100
CNVL2102	9/27/2021	42	16:1	250,000	35.86%	1,100	1,890	0.00%	15	126.59	107,608	94,636	103,800
CVNM2106	1/13/2022	150	5:1	102,800	26.05%	4,000	2,990	0.00%	599	4.99	120,000	100,000	89,500
CFPT2103	1/7/2022	144	5:1	167,900	32.52%	3,000	3,780	-0.53%	1,277	2.96	115,000	100,000	94,600
CMWG2105	8/27/2021	11	8:1	102,000	34.18%	2,950	5,170	-1.52%	4,961	1.04	155,100	131,500	170,100
CVNM2107	1/7/2022	144	10:1	287,700	26.05%	1,500	1,680	-1.75%	343	4.89	113,000	98,000	89,500
CPDR2102	9/27/2021	42	5:1	184,800	36.07%	1,100	2,810	-4.10%	1,221	2.30	94,499	88,999	91,700
CPNJ2104	1/7/2022	144	8:1	294,800	30.84%	2,400	1,710	-5.00%	383	4.46	129,200	110,000	94,500
CPDR2101	9/27/2021	42	5:1	432,300	36.07%	1,100	1,460	-12.05%	790	1.85	94,388	88,888	91,700
Tổng				3,483,500	35.81%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất	CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%	Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn	*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/8/2021, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng.

- CPDR2101 và CTCH2101 giảm mạnh lần lượt là -12.05% và -10.00%. Giá trị giao dịch tăng 10.10%. CHPG2106 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.60% thị trường.

- CMWG2105, CTCB2101, CSTB2104, CVPB2104, và CSTB2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CNVL2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2101, CSTB2104, và CMWG2105 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	170.1	-0.5%	0.9	3,515	7.6	9,594	17.7	4.4	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	94.5	0.0%	1.0	934	1.8	5,816	16.2	3.8	48.9%	25.4%
BVH	Bảo hiểm	54.2	-0.4%	1.4	1,749	2.5	2,429	22.3	1.9	27.0%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	42.1	-0.9%	0.5	409	0.1	3,495	12.0	1.3	53.0%	10.9%
VIC	Bất động sản	110.6	-0.3%	0.7	16,265	14.9	1,900	58.2	4.2	15.0%	7.4%
VRE	Bất động sản	28.5	1.8%	1.1	2,816	7.4	1,195	23.9	2.1	30.1%	9.3%
VHM	Bất động sản	116.0	-3.3%	1.0	16,893	95.4	9,941	11.7	4.0	23.8%	39.9%
DXG	Bất động sản	23.8	4.2%	1.3	536	19.6	1,586		1.5	29.4%	11.0%
SSI	Chứng khoán	62.1	5.3%	1.5	1,768	45.5	2,817	22.0	3.6	50.2%	16.5%
VCI	Chứng khoán	60.9	6.8%	1.0	882	20.1	4,384	13.9	3.8	20.5%	25.4%
HCM	Chứng khoán	55.7	5.3%	1.6	739	18.0	2,899	19.2	3.5	48.4%	19.4%
FPT	Công nghệ	94.6	0.6%	0.9	3,732	7.8	4,233	22.3	5.1	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	84.9	0.5%	0.4	1,212	0.1	4,304	19.7	5.9	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	94.2	1.3%	1.3	7,839	4.5	4,077	23.1	3.9	2.7%	16.2%
PLX	Dầu khí	52.1	-1.5%	1.5	2,818	2.4	3,090	16.9	2.7	17.7%	17.4%
PVS	Dầu khí	26.1	-0.4%	1.7	542	11.8	1,160	22.5	1.0	7.6%	4.5%
BSR	Dầu khí	19.2	0.0%	0.8	2,588	8.9	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	94.3	0.7%	0.4	536	0.1	5,761	16.4	3.6	54.6%	22.8%
DPM	Hóa chất	36.6	5.2%	0.8	622	11.5	2,885	12.7	1.7	12.9%	13.6%
DCM	Hóa chất	23.5	0.0%	0.7	540	7.0	1,148	20.4	2.0	1.8%	9.6%
VCB	Ngân hàng	100.6	1.0%	1.1	16,222	8.6	5,534	18.2	3.6	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	43.3	1.8%	1.3	7,572	6.1	2,477	17.5	2.1	16.7%	12.6%
CTG	Ngân hàng	35.1	2.3%	1.3	7,334	32.6	3,407	10.3	1.8	24.4%	18.9%
VPB	Ngân hàng	65.6	3.1%	1.2	7,001	44.4	5,052	13.0	2.7	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	31.0	4.7%	1.2	5,093	42.1	2,764	11.2	2.2	22.1%	21.5%
ACB	Ngân hàng	35.7	1.0%	1.0	4,194	18.6	3,589	9.9	2.4	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	57.3	-0.5%	0.7	204	0.2	4,762	12.0	2.0	83.8%	16.4%
NTP	Nhựa	52.2	7.6%	0.4	267	0.5	4,085	12.8	2.3	19.0%	18.3%
MSR	Tài nguyên	20.7	0.0%	0.7	989	0.4	39	530.8	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	49.5	1.6%	1.1	9,617	47.6	5,616	8.8	3.0	26.6%	39.8%
HSG	Thép	38.1	1.6%	1.4	810	13.9	7,745	4.9	1.9	10.5%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	89.5	-0.4%	0.6	8,133	12.7	4,572	19.6	5.9	55.1%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	151.6	-0.1%	0.8	4,227	1.3	7,293	20.8	4.7	62.6%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	133.5	0.0%	0.9	6,852	5.7	1,787	74.7	7.4	33.5%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	21.3	6.0%	1.2	572	8.3	1,070	19.9	1.7	8.9%	8.5%
ACV	Vận tải	79.9	1.4%	0.8	7,563	0.6	577	138.5	4.6	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	117.3	-0.6%	1.1	2,762	2.4	290		3.7	18.3%	1.0%
HVN	Vận tải	21.5	-0.2%	1.7	2,074	0.6	(7,377)		26.8	9.0%	-155.4%
GMD	Vận tải	48.8	-0.5%	1.0	639	7.8	1,357	35.9	2.4	41.9%	6.7%
PVT	Vận tải	22.7	3.0%	1.4	319	8.8	2,340	9.7	1.6	15.2%	16.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	122.8	1.6%	0.9	854	1.3	9,806	12.5	4.6	3.8%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.2	3.4%	0.4	685	4.3	2,006	17.5	2.5	5.6%	13.8%
HT1	Vật liệu xây dựng	19.4	4.6%	0.9	321	3.6	1,651	11.7	1.3	2.9%	11.3%
CTD	Xây dựng	67.5	-0.7%	1.0	217	1.5	2,005	33.7	0.6	43.8%	1.8%
CII	Xây dựng	18.5	-0.8%	0.5	192	2.7	69	267.7	0.9	22.4%	0.3%
REE	Điện	56.5	1.4%	-1.4	759	3.0	5,806	9.7	1.4	49.0%	15.8%
PC1	Điện	32.1	0.9%	-0.4	266	4.4	2,414	13.3	1.5	9.3%	12.9%
POW	Điện	11.5	1.3%	0.6	1,166	4.7	1,090	10.5	0.9	2.9%	8.8%
NT2	Điện	19.3	1.3%	0.5	241	0.4	1,093	17.6	1.3	13.6%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	37.2	3.8%	1.1	759	31.6	1,794	20.7	1.7	19.0%	8.5%
BCM	Khu công nghiệp	44.5	1%	1.0	2,003	0.2			3.0	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	37.20	6.90	2.58	10.69MLN
TCB	54.00	3.45	1.70	30.30MLN
MBB	31.00	4.73	1.42	31.96MLN
VPB	65.60	3.14	1.32	15.64MLN
VCB	100.60	1.00	1.00	1.99MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-3.60	18.69MLN	1.11MLN
PLX	0.00	-0.28	1.05MLN	607060
VIC	0.00	-0.27	3.09MLN	373600
VNM	0.00	-0.23	3.27MLN	192700
VCG	0.00	-0.15	505800	611640

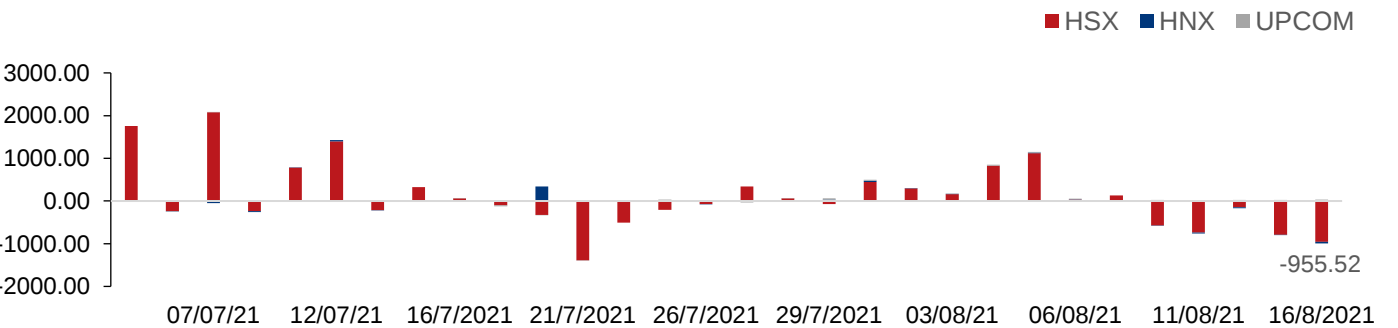
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ST8	10.70	7.00	0.01	11900.00
TTB	6.42	7.00	0.01	3.14MLN
TDP	28.30	6.99	0.03	55400
AGR	15.30	6.99	0.06	4.74MLN
CLW	29.85	6.99	0.01	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNT	9.31	-6.90	-0.01	1.07MLN
AGM	31.00	-6.77	-0.01	73300
HTV	15.95	-6.45	0.00	103600.00
DAH	12.75	-6.25	-0.01	2.34MLN
PTL	7.24	-5.11	-0.01	184400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	35.7	3,589	9.9	2.4	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	79.9	577	138.5	4.6	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	31.9	1,686	18.9	1.7	Click
5	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.7	600	17.8	1.0	Click
6	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	9.6	-411		0.9	Click
7	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	35.0	3,949	8.9	1.4	Click
8	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	35.1	3,407	10.3	1.8	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	23.5	1147.9	20.4	2.0	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	99.7	5,868	17.0	3.8	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	163.0	9,205	17.7	5.2	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	39.7	4,873	8.1	2.1	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	36.6	2,885	12.7	1.7	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	34.7	2,868	12.1	2.4	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	23.8	1,586		1.5	Click
16	ELC	Viễn thông	Mua	27/8/20	14.5	18.8	17.9	641	27.9	1.1	Click
17	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	94.6	4,233	22.3	5.1	Click
18	GLT	CNTT	Theo dõi	18/9/20	33.0	N/a	34.5	3,617	9.5	2.7	Click
19	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	37.2	1,201	31.0	3.1	Click
20	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	49.5	5,616	8.8	3.0	Click
21	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	38.1	7,745	4.9	1.9	Click
22	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	19.4	1,651	11.7	1.3	Click
23	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	9.3	-1,169		0.9	Click
24	KDH	Bất động sản	Mua	11/5/21	36.8	42.1	41.7	1,969	21.2	3.0	Click
25	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	53.4	6,758	7.9	1.9	Click
26	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	25.2			2.0	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	79.0	6,544	12.1	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	170.1	9,594	17.7	4.4	Click
29	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	43.5	3,925	11.1	1.9	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	32.1	2,414	13.3	1.5	Click
31	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	36.2	2,380	15.2	2.2	Click
32	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	94.5	5,816	16.2	3.8	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	11.5	1,090	10.5	0.9	Click
34	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
35	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	19.4	0	706.1	0.6	Click
36	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	26.1	1,160	22.5	1.0	Click
37	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.3	1,070	19.9	1.7	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.6	1,064	33.5	3.6	Click
39	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	47.6	15775.2	3.0	1.3	Click
40	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	54.0	4,613	11.7	2.3	Click
41	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	100.6	5,534	18.2	3.6	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	20.9	570	36.7	1.7	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	45.9	4,038	11.4	1.5	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	116.0	9,941	11.7	4.0	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	65.6	5,052	13.0	2.7	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	28.5	1,195	23.9	2.1	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	84.8	3,256	26.0	7.3	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
2	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
3	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
5	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
8	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
9	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
10	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
12	Banking Sector Outlook		x	Click
13	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
15	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
16	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
17	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
18	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
20	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
22	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
23	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
25	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
26	Fishery Outlook 2021		x	Click
27	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
28	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
29	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
30	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
31	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
32	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
33	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
36	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
37	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
40	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639